

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/DS-PT
Ngày: 25/8/2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch
Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thành N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn M, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn M, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị K – Bị đơn

(Ông N, bà K có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019 và các lời khai của ông Phạm Thành N trong quá trình tố tụng có nội dung: Do có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị K nên ông N cho bà K vay tiền nhiều lần. Ngày 23/4/2018 ông N cho bà K vay 220.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền, bà K ký tên. Trong giấy vay không ghi lãi suất, hạn trả nợ nhưng hai bên thỏa thuận miệng

lãi suất 1.000đ/triệu/ngày, bà K hẹn vay 05 đến 07 ngày sẽ trả. Khoản vay thứ hai là 60.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ, thỏa thuận miệng lãi suất 1.000đ/ triệu/ngày, bà K hẹn vay 05 đến 07 ngày sẽ trả. Ngày 07/5/2018 bà K trả cho ông N số tiền gốc là 80.000.000 đồng, ngày 02/02/2019 bà K trả cho ông N số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền bà K còn nợ lại ông N là 150.000.000 đồng. Ông N khởi kiện yêu cầu bà K trả 150.000.000 đồng tiền gốc; lãi tính từ ngày 07/5/2018 đến ngày 02/02/2019 là 08 tháng 15 ngày x 220.000.000đồng x 1%/tháng = 17.000.000 đồng, và lãi từ ngày 03/02/2019 đến ngày 05/3/2020 trên khoản tiền vay 150.000.000 đồng là 13 tháng (làm tròn) x 150.000.000đồng x 1%/tháng = 19.500.000 đồng. Tổng tiền lãi là 36.500.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi ông N yêu cầu bà K phải trả là 186.500.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 05/3/2020 và lời trình bày của bà K thì: Bà K thừa nhận có vay của ông N số tiền 220.000.000 đồng. Trong giấy vay không ghi lãi suất, hạn trả nợ nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1.000đ/triệu/ngày, bà K hẹn vay 05 đến 07 ngày sẽ trả; ngày 02/02/2019 bà K trả cho ông N số tiền gốc là 50.000.000 đồng, bà K còn nợ lại ông N là 150.000.000 đồng. Bà K đồng ý trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 03/02/2019 đến ngày 05/3/2020 là 13 tháng x 150.000.000 đồng x 1%/ tháng = 19.500.000 đồng. Đối với số tiền lãi phát sinh là 1%/tháng đối khoản tiền vay 220.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 07/5/2018 đến ngày 02/02/2019 là 08 tháng 15 ngày x 220.000.000đồng x 1%/tháng = 17.000.000 đồng bà K không đồng ý trả và cho rằng đã trả lãi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành N đối với bà Nguyễn Thị K về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Nguyễn Thị K trả cho ông Phạm Thành N số tiền 191.562.000 đồng (gốc là 150.000.000 đồng, lãi là 41.562.000 đồng)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 29/5/2020 bà Nguyễn Thị K có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác phần yêu cầu tính lãi của ông N.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn ông Phạm Thành N, bị đơn bà Nguyễn Thị K đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán tại cấp phúc thẩm, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn ông N, bị đơn bà K có

đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà K. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc ông Phạm Thành N cho bà Nguyễn Thị K vay tiền nhiều lần, nhưng bà K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là có căn cứ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông N, bị đơn bà K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Bà Nguyễn Thị K không đồng ý trả tiền lãi vì lúc mượn tiền hai bên không làm giấy tờ, không tính lãi và không quy định thời hạn mượn.

Qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai và lời trình bày của bà K thì thấy rằng; Tại giấy vay tiền đề ngày 23/4/2018 thể hiện ông N cho bà K vay số tiền 220.000.000 đồng, bà K ký tên xác nhận. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất và thời hạn vay. Tuy nhiên hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 1.000đ/ 01 triệu/ngày và thống nhất bà K còn nợ ông N 150.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh 21.135.000 đồng như ông N trình bày. Riêng đối với lãi phát sinh của số tiền 220.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn không chấp nhận, cho rằng đã trả xong nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi phát sinh của hai giai đoạn là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự về lãi suất vay trong trường hợp các bên thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 1%/tháng tương đương 12%/năm, nên cần buộc bị đơn thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy; Khoản nợ bà K nợ ông N 220.000.000 đồng, được tính lãi từ ngày 23/4/2018 đến ngày 02/02/2019 là 09 tháng, 10 ngày $\times 1\%/tháng = 20.460.000$ đồng; lãi từ ngày 03/02/2019 đến ngày 14/4/2020 (làm tròn)/ khoản vay 150.000.000 đồng $(150.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 14 \text{ tháng} 11 \text{ ngày}) = 21.550.000$ đồng. Tổng cộng tiền lãi là 42.010.000 đồng là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng quy định về lãi suất, nhưng tính toán sai, chỉ buộc bị đơn thanh toán 41.562.000 đồng tiền lãi gây thiệt hại cho nguyên đơn. Tuy nhiên nguyên đơn không kháng cáo nên không cần thiết phải sửa bản án.

Từ những phân tích trên thấy rằng cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị K, nên bà K phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành N đối với bà Nguyễn Thị K về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Nguyễn Thị K trả cho ông Phạm Thành N số tiền 191.562.000 đồng (một trăm chín mươi một triệu, năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng). Trong đó gốc là 150.000.000 đồng, lãi là 41.562.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị K phải nộp 9.578.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tổng cộng là 9.878.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0019728 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm. Bà K phải nộp số tiền là 9.578.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Phạm Thành N số tiền 5.160.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0019490 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (03);
- Lưu AV - HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân